

QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua
Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng
Chính sách xã hội cấp huyện để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /2024/QĐ-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (bao gồm ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Điều 2. Nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện để cho vay trên địa bàn tỉnh Lai Châu

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương bổ sung hàng năm theo khả năng cân đối của ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện.

2. Nguồn tiền lãi thu được từ cho vay của các đối tượng quy định tại Điều 1 Quy chế này từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác, được trích hàng năm để bổ sung vào nguồn vốn ủy thác theo quy định tại khoản 1 Điều 9 và khoản 5 Điều 10 Quy chế này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện

1. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Lai Châu.

2. Đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện: Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện ủy quyền Phòng Tài chính - Kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

3. Hợp đồng ủy thác gồm những nội dung chính như sau: Thông tin của bên ủy thác, thông tin bên nhận ủy thác, nội dung công việc ủy thác, tổng giá trị ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác, hiệu lực Hợp đồng và các nội dung cần thiết khác liên quan.

Điều 4. Lập, phân bổ và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí, bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện

1. Lập dự toán

Căn cứ mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, mục tiêu thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia theo kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Hàng năm, cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước của Bộ Tài chính.

a) Đối với cấp tỉnh: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo tình hình thực hiện cho vay 06 tháng đầu năm, dự kiến cả năm và xây dựng dự toán gửi Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay theo quy định phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong năm tiếp theo, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn thi hành.

b) Đối với cấp huyện: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện báo cáo tình hình thực hiện cho vay 06 tháng đầu năm, dự kiến cả năm và xây dựng dự toán gửi phòng Tài chính - Kế hoạch tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung nguồn ngân sách uỷ thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để cho vay theo quy định phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong năm tiếp theo, khả năng cân đối ngân sách địa phương, quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Phân bổ nguồn vốn uỷ thác

a) Cấp tỉnh: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay cho Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, chi tiết theo đối tượng vay, chương trình vay.

b) Cấp huyện: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện báo cáo Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện trình Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay cho Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn chi tiết theo đối tượng vay, chương trình vay.

3. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn Luật, hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14/3/2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 5. Đối tượng được vay vốn

1. Các đối tượng theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ và một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (*nếu có*).

2. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại điểm b, khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

Điều 6. Mục đích sử dụng vốn

Vốn vay được sử dụng vào các nội dung quy định tại Điều 14 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ, quy định tại điểm a khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15 của Quốc hội.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình thủ tục cho vay, điều kiện vay

1. Mức cho vay

a) Đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 78/2002/NĐ-CP: Mức cho vay do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận phù hợp với nguồn vốn, khả năng trả nợ, chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng và theo quy định của Chính phủ đối với từng đối tượng cho từng thời kỳ.

b) Đối với đối tượng tại điểm b khoản 6 Điều 4 Nghị quyết số 111/2024/QH15, thực hiện như sau:

b1) Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã mức cho vay tối đa là 60% tổng mức đầu tư của dự án nhưng không quá 2 tỷ đồng/dự án (*Khi đáp ứng điều kiện vay theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội và quy định: Có dự án vay vốn khả thi tại địa phương, phù hợp với ngành, nghề sản xuất kinh doanh, thu hút thêm lao động và việc làm ổn định; dự án vay vốn có xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền nơi thực hiện dự án; có bảo đảm tiền vay*).

b2) Đối tượng còn lại (*cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình....*) được vay vốn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Thời hạn cho vay

Thời hạn cho vay không quá 120 tháng (*10 năm*). Thời hạn cho vay do Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện nơi cho vay và khách hàng thỏa thuận phù hợp với nguồn vốn, khả năng trả nợ, chu kỳ sản xuất kinh doanh của khách hàng và theo quy định của Chính phủ đối với từng đối tượng cho từng thời kỳ.

3. Lãi suất cho vay

a) Đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác; cá nhân người dân tộc thiểu số, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ có mức sống trung bình, người lao động tại địa bàn thuộc phạm vi thực hiện của các chương trình mục tiêu quốc gia: Lãi suất cho vay bằng lãi suất vay vốn đối với từng đối tượng theo từng thời kỳ của Ngân hàng Chính sách xã hội do Thủ tướng Chính phủ quy định.

b) Đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng nông thôn, huyện nghèo: Lãi suất cho vay bằng lãi suất vay hộ cận nghèo theo quy định của Chính phủ áp dụng trong từng thời kỳ.

4. Quy trình thủ tục cho vay, điều kiện vay: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát hồ sơ vay vốn đảm bảo các quy trình, thủ tục cho vay và quy định về điều kiện vay trong hệ thống Ngân hàng Chính sách xã hội đối với từng đối tượng, chương trình tín dụng.

Điều 8. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

1. Thẩm quyền gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện xem xét, quyết định gia hạn nợ theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ, phù hợp với nguồn vốn do ngân sách địa phương ủy thác theo phân cấp ngân sách.

2. Về thủ tục, hồ sơ đề nghị gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, thời gian gia hạn nợ: Thực hiện theo quy định của Ngân hàng Chính sách xã hội trong từng thời kỳ.

3. Định kỳ 06 tháng, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo tình hình gia hạn nợ trong báo cáo quản lý sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để theo dõi, tổng hợp.

Điều 9. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác vào thu nhập của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí

quản lý cho Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định, Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, bổ sung từ ngân sách địa phương để xử lý.

c) Trích phí chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Ngân hàng Chính sách xã hội nhận ủy thác từ ngân sách địa phương. Mức trích 10% số tiền lãi thu được, trong đó: 5% cho công tác chỉ đạo điều hành, quản lý, thanh tra, kiểm tra giám sát, hội họp, chi hội nghị sơ kết, tổng kết....; 5% dành cho công tác thi đua khen thưởng (đối với nguồn vốn ủy thác của Ủy ban nhân dân tỉnh, thì cấp tỉnh sử dụng 40%, chuyển cho cấp huyện 60%); giao cho Ngân hàng Chính sách xã hội quản lý và chi theo quy định tại khoản 3 Điều này.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Quyết định sử dụng lãi vay

a) Thẩm quyền quyết định sử dụng lãi vay là Ủy ban nhân dân các cấp, phù hợp nguồn vốn ủy thác.

b) Định kỳ hàng quý, Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp tổng hợp, hạch toán phân bổ lãi cho vay thu được, đồng thời xin ý kiến cơ quan Tài chính cùng cấp thống nhất phương án phân bổ lãi.

c) Trước ngày 15/01 hàng năm, Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp có trách nhiệm: Báo cáo phân bổ lãi cho vay thu được năm trước gửi cơ quan Tài chính trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt sử dụng lãi vay thu được trong năm và làm cơ sở đối chiếu, xác nhận số kinh phí phải cấp bù cả năm.

Trường hợp kinh phí tạm cấp bù cao hơn kinh phí phải cấp bù cả năm, cơ quan Tài chính thực hiện bù trừ vào phần kinh phí phải cấp bù cho Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp năm sau hoặc Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp nộp trả ngân sách cùng cấp theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân cùng cấp.

3. Nội dung và mức chi công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng

a) Chi tổ chức họp, hội nghị, sơ kết, tổng kết hoạt động ủy thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

b) Chi công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật về cho vay thực hiện theo Nghị quyết số 46/2024/NQ-HĐND ngày 30/9/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

c) Chi hội nghị tập huấn nghiệp vụ hoạt động ủy thác vốn qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND ngày 23/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và hỗ trợ luân chuyển cán bộ, công chức trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND; Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐND ngày 17/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 11/2019/NQ-HĐND, số 12/2022/NQ-HĐND ngày 29/3/2022.

d) Chi văn phòng phẩm, in tài liệu triển khai các nhiệm vụ liên quan hoạt động ủy thác vốn cho vay. Mức chi căn cứ vào khối lượng công việc thực tế và hóa đơn, chứng từ theo quy định.

đ) Chi kiểm tra, giám sát công tác hoạt động ủy thác vốn cho vay qua Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay theo các nội dung quy định tại Quy chế này. Nội dung chi và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Nghị quyết số 15/2017/NQ-HĐND ngày 14/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

e) Chi khen thưởng cho tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong công tác quản lý vốn cho vay; chủ dự án, người vay vốn sử dụng hiệu quả vốn vay. Mức chi theo quy định tại Quyết định số 19/2024/QĐ-UBND ngày 06/6/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

f) Chi làm thêm ngoài giờ phục vụ công tác quản lý nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

Điều 10. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị

rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội từng thời kỳ.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý rủi ro

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xem xét xử lý nợ bị rủi ro đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác trên cơ sở đề xuất của Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh, sau khi có ý kiến của các thành viên Ban đại diện hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các đơn vị liên quan bằng văn bản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xem xét xử lý nợ bị rủi ro đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện ủy thác trên cơ sở đề xuất của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội cấp huyện sau khi có ý kiến thành viên Ban đại diện hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội huyện, các đơn vị liên quan bằng văn bản.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro

a) Đối với các khoản nợ vay từ nguồn vốn vay ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cấp tỉnh đã được Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh trích lập và quản lý theo quy định.

b) Đối với các khoản nợ vay từ nguồn vốn vay ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng cấp huyện đã được Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện trích lập và quản lý theo quy định.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro

a) Cấp tỉnh: Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh đề xuất gửi Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh.

b) Cấp huyện: Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện đề xuất gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch chủ trì, phối hợp với phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, trình Hội đồng nhân dân cấp huyện bổ sung ngân sách cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để xử lý, hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác

của ngân sách địa phương chuyển qua Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Ngân hàng Chính sách xã hội các cấp định kỳ báo cáo và gửi cơ quan tài chính cùng cấp, cụ thể:

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh/cấp huyện ủy thác 06 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm, nhu cầu vay vốn năm sau: trước 10/7 hằng năm.

- Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh/cấp huyện ủy thác cả năm: trước ngày 10/01 năm sau.

- Báo cáo về hạch toán phân bổ lãi cho vay thu được hằng quý: trước ngày 10 của tháng đầu quý sau.

- Báo cáo phân bổ lãi thu được cả năm: trước ngày 15/01 hằng năm.

- Các báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đề nghị của cơ quan Tài chính.

2. Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo tình hình ủy thác vốn ngân sách cấp huyện và kết quả thực hiện cho vay từ nguồn ngân sách cấp huyện ủy thác về Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để tổng hợp gửi Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định. Cụ thể:

- Báo cáo năm gửi trước ngày 15/01 năm sau.

- Các báo cáo đột xuất theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và đề nghị của Sở Tài chính, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh.

3. Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình thực hiện cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn trên cơ sở tổng hợp báo cáo của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. Cụ thể:

- Báo cáo 06 tháng: trước ngày 20/7 hằng năm.

- Báo cáo năm: trước ngày 25/01 năm sau.

Điều 12. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện

- Ký hợp đồng ủy thác với cơ quan Tài chính.

- Hướng dẫn quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay, điều kiện vay vốn, định kỳ trả nợ, thu lãi, xử lý nợ đến hạn, gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn, theo quy định hiện hành của Ngân hàng Chính sách xã hội và phù hợp với thực tế địa phương. Công khai quy định về lãi suất vay của từng đối tượng được vay vốn theo quy định của Thủ tướng Chính phủ từng thời kỳ.

- Xây dựng dự toán, kế hoạch phân bổ nguồn vốn vay chi tiết theo đối tượng và chương trình vay.

- Tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác, cho vay đúng đối tượng, đúng quy định, đúng kế hoạch phân bổ vốn vay cấp thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo sử dụng hiệu quả và bảo toàn nguồn vốn được ủy thác quản lý.

- Theo dõi nguồn vốn ủy thác chi tiết ngân sách địa phương theo phân cấp, chi tiết từng địa bàn, tổ chức thực hiện chỉ tiêu kế hoạch tín dụng được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Thẩm định theo quy định hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro, tổng hợp xin ý kiến thành viên Ban đại diện, các đơn vị liên quan, báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định xử lý nợ bị rủi ro cho vay từ nguồn ngân sách ủy thác theo phân cấp.

- Tham mưu phát động các phong trào thi đua; ban hành các tiêu chí đánh giá thi đua cụ thể. Kết thúc các đợt thi đua, tổng hợp kết quả đề nghị Trưởng ban Đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có nhiều thành tích trong quản lý và sử dụng nguồn vốn vay ủy thác từ ngân sách.

- Phối hợp với cơ quan Tài chính và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác.

- Định kỳ hằng quý tổng hợp, hạch toán phân bổ lãi cho vay thu được, gửi báo cáo và lấy ý kiến thống nhất cơ quan Tài chính cùng cấp.

- Thực hiện chế độ báo cáo, phối hợp các cơ quan liên quan theo quy định.

2. Cơ quan Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp bổ sung nguồn vốn ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện cho vay theo quy định.

- Chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác sang Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện theo Hợp đồng ủy thác giữa cơ quan Tài chính và Ngân hàng Chính sách xã hội nơi nhận ủy thác.

- Hàng quý, phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp có ý kiến về việc phân bổ lãi cho vay thu được; báo cáo UBND cùng cấp phê duyệt sử dụng lãi vay thu được hằng năm trên cơ sở số liệu báo cáo của Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp.

- Phối hợp với Ngân hàng Chính sách xã hội cùng cấp và các đơn vị có liên quan kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí ủy thác và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này. Thực hiện việc quyết toán nguồn kinh phí ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo quy định của Luật Ngân sách và văn bản hướng dẫn.

- Thực hiện chế độ báo cáo, phối hợp các cơ quan liên quan và các nhiệm vụ khác được quy định tại Quy chế này.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị liên quan xem xét, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí vốn đầu tư (*theo hướng dẫn của trung ương*); phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội và các đơn vị có liên quan kiểm tra nguồn ngân sách địa phương ủy thác để cho vay.

4. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; phòng Lao động - Thương binh xã hội

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với các chương trình, đề án về đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho lao động nông thôn gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội. Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội tổ chức lồng ghép các chương trình, dự án, lựa chọn ngành nghề, thị trường lao động với việc sử dụng vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để cho vay.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và các đơn vị có liên quan kiểm tra nguồn ngân sách địa phương ủy thác để cho vay.

5. Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh Lai Châu

- Thực hiện công tác quản lý nhà nước, đặc biệt là công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra định kỳ, đột xuất đối với hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

- Kiểm tra giám sát quản lý sử dụng nguồn vốn ủy thác và việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 9 Quy chế này.

6. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn/phòng Kinh tế

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới với các chương trình, dự án sản xuất - kinh doanh, chuyển đổi cơ cấu, lựa chọn cây trồng, vật nuôi, các chương trình chuyển giao công nghệ gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và các đơn vị có liên quan kiểm tra nguồn ngân sách địa phương ủy thác để cho vay.

7. Ban Dân tộc và phòng Dân tộc

- Chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp triển khai chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gắn với hoạt động tín dụng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện và các đơn vị có liên quan kiểm tra nguồn ngân sách địa phương ủy thác để cho vay.

8. Công an tỉnh và Công an huyện

Hàng năm, vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, chủ trì rà soát, tổng hợp đối tượng vay vốn đối với người chấp hành xong án phạt tù và cơ sở sản xuất kinh doanh có sử dụng người lao động là người chấp hành xong án phạt tù gửi Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện để tổng hợp.

9. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

- Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo các văn bản và hợp đồng uỷ thác ký kết với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

10. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Chỉ đạo, tổ chức triển khai theo phân cấp và thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện và thực hiện chế độ báo cáo, tổng hợp theo quy định.

- Trình Hội đồng nhân dân cấp huyện cân đối ngân sách bổ sung nguồn vốn uỷ thác cho vay các đối tượng tại địa phương.

- Kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí uỷ thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện.

11. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

- Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra sử dụng vốn vay, đơn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

- Phối hợp với Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội cấp huyện xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn.....; hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; tham gia tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

12. Xử lý vướng mắc

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh và Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.